TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày 10/4/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vũ Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Bùi Thanh Trí.**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Hạnh Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố C.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*:** Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2022/TLST-KDTM ngày 27/12/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2023/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dầu khí H**.

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Tân Phú T, huyện A, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn Bé S** – Chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc V** – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (Văn bản uỷ quyền ngày 11/10/2022) (Có mặt).

Địa chỉ: Số 35 đường Trương Định, phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn*: **Công ty Trach nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Xăng dầu KL**.

Địa chỉ: Lô F07-F09 đường số 15, khu dân cư Miền Nam, phường Hưng Phú, quận C, thành phố C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1975 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc (Có mặt).

Địa chỉ: Số 366/9L đường C, phường 12, quận B, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện (đề ngày 09/9/2022) của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí H và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Ngọc V (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày*: Trước đây ngày 01/7/2017, Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí H (sau đây viết tắt là Công ty Dầu khí H) có ký hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xăng dầu KL (sau đây viết tắt là Công ty Xăng dầu KL), Hợp đồng số: 25/DKHG-HĐ.ĐLXD-2017, theo đó Công ty Xăng dầu KL đồng ý mua mặt hàng xăng dầu của Công ty Dầu khí H. Về số lượng, chủng loại xăng dầu theo từng đơn hàng cụ thể của Công ty Xăng dầu KL gửi Công ty Dầu khí H. Sau đó, Công ty Xăng dầu KL có trách nhiệm thanh toán chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, các bên sẽ đối chiếu công nợ làm cơ sở để thanh, quyết toán, hình thức thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng, thời hạn của hợp đồng đến ngày 31/12/2022.

Sau khi ký hợp đồng đến đầu năm 2020 thì phía Công ty Xăng dầu KL còn nợ tổng số tiền là 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), có đối chiếu công nợ với nhau. Do số nợ quá lớn nên phía Công ty Dầu khí H có văn bản gửi Công ty Xăng dầu KL hỗ trợ lãi suất vào ngày 31/01/2020 và yêu cầu Công ty Xăng dầu KL thanh toán số nợ còn thiếu, nhưng Công ty Xăng dầu KL cứ hứa nhiều lần mà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay, Công ty Dầu khí H khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Xăng dầu KL trả tổng số tiền là 1.498.754.233đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), trong đó số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.117.067.000đ và số tiền lãi là 381.687.233đ (được tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 09/9/2022, theo mức lãi suất 12%/năm); Yêu cầu Công ty Xăng dầu KL tiếp tục trả lãi từ ngày 10/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ, về lãi suất yêu cầu là 12%/năm.

- *Ông Nguyễn Phương T (đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xăng dầu KL) trình bày*: Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, ông Tiến thừa nhận trước đây Công ty Xăng dầu KL có ký hợp đồng mua mặt hàng xăng dầu của Công ty Dầu khí H, hai bên có ký với nhau Hợp đồng bao tiêu số: 25/DKHG-HĐ.ĐLXD-2017 ngày 01/7/2017, theo đó Công ty Xăng dầu KL sẽ đặt mua xăng dầu về số lượng, chủng loại theo từng đơn hàng cụ thể, về thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên đúng như phần trình bày của phía nguyên đơn. Tính đến ngày 01/01/2020 thì công nợ Công ty Xăng dầu KL còn thiếu Công ty Dầu khí H tổng số tiền là 1.677.367.000đ (Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), đến tháng 7 năm 2022 số tiền nợ còn lại 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), việc bị đơn chậm thanh toán số tiền công nợ này một phần xuất phát từ tình hình dịch bệnh Covid-19, lãi suất vay Ngân hàng tăng, chiết khấu giảm nên bị đơn không thanh toán được số tiền nợ này cho nguyên đơn, dẫn đến nguyên đơn ngưng cung cấp xăng dầu từ cuối năm 2019 đến nay.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn Công ty Xăng dầu KL thống nhất trả số tiền nợ còn lại là 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), đề nghị khấu trừ tổng số tiền là 213.000.000đ (Hai trăm mười ba triệu đồng), trong đó gồm tiền phạt vi phạm hành chính là 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng) do liên quan đến việc nguyên đơn giao mặt hàng xăng nhưng không đúng tiêu chuẩn, chi phí thuê mặt bằng, lương của công nhân do bị tạm ngưng đóng cửa số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và số tiền hỗ trợ là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đối với yêu cầu tình lãi của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý, do hiện nay phía bị đơn gặp khó khăn về tài chính, không còn khả năng.

Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, ông Trần Ngọc V (đại diện uỷ quyền của nguyên đơn) vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), và số tiền lãi tính từ ngày 16/3/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 12%/năm, thống nhất cấn trừ số tiền 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng) cho bị đơn vào số tiền phải trả. Ông Nguyễn Phương T (đại diện theo pháp luật của bị đơn) thống nhất trả số tiền nợ còn thiếu 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn do không có khả năng, đồng thời đề nghị cấn trừ số tiền 213.000.000đ (Hai trăm mười ba triệu đồng) vào số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty Xăng dầu KL có nghĩa vụ trả số tiền nợ còn thiếu là 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), do số nợ này bị đơn thừa nhận còn thiếu nguyên đơn từ việc mua mặt hàng xăng dầu mà hai bên đã ký theo Hợp đồng bao tiêu số: 25/DKHG-HĐ.ĐLXD-2017 ngày 01/7/2017 đến nay chưa thanh toán. Ngoài ra, theo Hợp đồng bao tiêu số: 25 ngày 01/7/2017 thì giữa hai bên có thoả thuận với nhau về nghĩa vụ đối chiếu công nợ và xác định thời hạn thanh toán là vào ngày 15 tháng sau, theo Biên bản xác nhận công nợ giữa hai bên ngày 29/02/2020 thì bị đơn xác nhận còn nợ số tiền 1.677.367.000đ (Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ nên theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại bị đơn có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán quá hạn trung bình chung, việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán mức lãi suất 12%/năm là có lợi cho bị đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng của hai bên thì nguyên đơn có giao một lô hàng chưa đúng với chất lượng dẫn đến hậu quả bị đơn bị xử phạt hành chính 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng) và tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện bán xăng dầu 30 ngày, và theo văn bản ý kiến phía Công ty Xăng dầu KL đã có đề nghị Công ty Dầu khí H giảm trừ tổng số tiền là 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng), có mặt tại phiên toà sơ thẩm đại diện uỷ quyền của nguyên đơn cũng thống nhất cấn trừ số tiền này nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Công ty Dầu khí H cho rằng trước đây ngày 01/7/2017 có ký hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu với Công ty Xăng dầu KL Hợp đồng số: 25/DKHG-HĐ.ĐLXD-2017, theo đó Công ty Xăng dầu KL làm đại lý bao tiêu các mặt hàng xăng dầu cho Công ty Dầu khí H. Thực hiện nội dung hợp đồng đã ký tính đến ngày 29/02/2020 phía Công ty Xăng dầu KL còn nợ số tiền là 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đến nay chưa thanh toán. Để đảm bảo quyền lợi của mình, Công ty Dầu khí H khởi kiện yêu cầu Công ty Xăng dầu KL trả số nợ còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/01/2020 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất là 12%/năm. Quan hệ trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"*, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Dầu khí H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 01/7/2017, Công ty TNHH MTV TM Dầu khí H (bên A) có ký Hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số: 25/DKHG-HĐ.ĐL-2017 với Công ty TNHH TM DV Xăng dầu KL (bên B), theo đó bên B nhận làm đại lý bao tiêu các mặt hàng xăng dầu cho bên A để hưởng tiền chiết khấu hoa hồng theo từng đơn hàng cụ thể từng tháng mà bên Công ty Xăng dầu KL đặt hàng của Công ty Dầu khí H, đồng thời theo nội dung hợp đồng đã ký hai bên có thoả thuận cụ thể với nhau về quyền, nghĩa vụ của các bên, phương thức đặt hàng, thanh toán, thời hạn thanh toán, số tiền chiết khấu hoa hồng, điều kiện giao nhận hàng hoá,v.v…Hợp đồng này hết hiệu lực vào ngày 31/12/2022.

Trong quá trình thực hiện nội dung hợp đồng bao tiêu xăng dầu đã ký, đến ngày 19/02/2020 số tiền công nợ mà Công ty Xăng dầu KL còn nợ Công ty Dầu khí H số tiền là 1.677.067.000đ (Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) (BL 61). Sau đó, Công ty Xăng dầu KL thanh toán nhiều lần cho nguyên đơn, đến tháng 7 năm 2022 Công ty Xăng dầu KL còn nợ số tiền là 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) (BL 80). Ngoài ra, tại các Biên bản đối chiếu công nợ từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 (BL 61 đến 70) có chữ ký xác nhận của đại diện theo pháp luật của bị đơn thể hiện Công ty Xăng dầu KL thừa nhận còn thiếu số tiền công nợ này của nguyên đơn. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 03/3/2023 của ông Nguyễn Phương T (đại diện theo pháp luật của bị đơn) và tại

phiên toà thừa nhận hiện Công ty Xăng dầu KL còn nợ số tiền 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) của nguyên đơn đến nay chưa thanh toán, theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Bên cạnh đó, theo nội dung thoả thuận trong hợp đồng mà hai bên giao kết tại khoản 5.5.1 Điều V "*Chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, bên A sẽ gửi biên bản đối chiếu công nợ của tháng trước để hai bên xác nhận và làm cơ sở thanh quyết toán với nhau*" và tại khoản 7.3.4 Điều VII về trách nhiệm của bên B "*Thanh toán đầy đủ tiền hàng cho bên A đúng theo thoả thuận*" (BL 137). Như vậy, việc bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán là chưa đúng với nội dung thoả thuận của hai bên, cũng như nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại. Cho nên, Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bị đơn Công ty Xăng dầu KL có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Dầu khí H số tiền nợ còn lại 1.117.067.000đ (Một tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của bị đơn đề nghị cấn trừ số tiền 213.000.000đ (Hai trăm mười ba triệu đồng) gồm tiền bị xử phạt hành chính và chi phí chi trả cho việc tạm ngưng hoạt động từ ngày 01/3/2018 đến 30/3/2018. Xét thấy, theo nội dung hợp đồng đã ký thể hiện trách nhiệm của bên A tại khoản 7.1.2 Điều VII "*Giao hàng đúng theo yêu cầu của bên B về số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian giao hàng...*" (BL 137). Tuy nhiên, trong quá trình bán mặt hàng xăng RON 92-II có chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nên bị đơn bị Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt hành chính số: 262/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 phạt số tiền 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), và tước giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đối với bị đơn trong thời gian 30 ngày (từ ngày 01/3/2018 đến 30/3/2018). Sau đó, Công ty Xăng dầu KL đã có ý kiến đề nghị giảm trừ số tiền 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng) trong các Biên bản xác nhận công nợ từ năm 2019 đến năm 2021 với nguyên đơn. Mặt khác, theo nội dung thoả thuận trong hợp đồng thì bên nguyên đơn chịu trách nhiệm về chất lượng, chủng loại đối với mặt hàng xăng dầu bán cho bị đơn, như vậy, số tiền thiệt hại 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng) là do xuất phát từ hàng hoá của nguyên đơn không đạt chất lượng, phía bị đơn đã nộp số tiền này cho Nhà nước theo quyết định xử phạt

hành chính và chi phí liên quan đến tạm ngưng hoạt động, cho nên nguyên đơn có nghĩa vụ bù trừ số tiền này cho bị đơn vào số tiền đã thiếu. Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, ông Trần Ngọc V (đại diện uỷ quyền của nguyên đơn) thống nhất trừ số tiền 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng) cho bị đơn, nên bị đơn được trừ số tiền này vào số tiền còn thiếu nguyên đơn.

Ngoài ra, tại phiên toà ông Nguyễn Phương T (đại diện theo pháp luật của bị đơn) đề nghị cấn trừ thêm số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) liên quan đến chi phí đi lại trong thời gian tạm ngưng hoạt động. Xét ý kiến nại ra này của phía bị đơn là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ số tiền liên quan đến xử phạt hành chính và chi phí nhân công, thuê mặt bằng đã được bị đơn yêu cầu giảm trừ trong các văn bản đối chiếu công nợ với nguyên đơn cũng chỉ thể hiện số tiền 163.000.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu đồng). Bị đơn cho rằng đây là số tiền xin hỗ trợ thêm mà nguyên đơn đã hứa, tuy nhiên, ngoài lời nại ra của mình bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, có mặt tại phiên toà sơ thẩm đại diện nguyên đơn không đồng ý việc giảm trừ thêm số tiền này theo ý kiến nại ra của bị đơn, nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến bị đơn đề nghị giảm trừ thêm số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Như vậy, số tiền bị đơn Công ty Xăng dầu KL có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Dầu khí H là: 1.117.067.000đ – 163.000.000đ = 954.067.000đ (Chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị bị đơn còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2020 cho đến khi trả dứt nợ, về lãi suất yêu cầu là 12%/năm. Xét thấy, theo nội dung thoả thuận về phương thức đối chiếu công nợ và nghĩa vụ thanh toán của bên B (Công ty Xăng dầu KL) thể hiện trong hợp đồng thì "…*chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau bên A sẽ gởi biên bản đối chiếu công nợ của tháng trước để hai bên xác nhận và làm cơ sở thanh quyết toán với nhau*" (BL 138). Như vậy, thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác định cụ thể về thời hạn thanh toán và nghĩa vụ thanh toán với nhau, bị đơn đã xác nhận công nợ tại Bản đối chiếu công nợ ngày 29/02/2020, như vậy theo nội dung thoả thuận thì chậm nhất đến ngày 15/3/2020 phải thanh toán dứt số tiền nợ cho nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không thanh toán, theo quy định về nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán cụ thể tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi*

suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán…", theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì việc bị đơn chậm thanh toán trong trường hợp này còn phải có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình chung trên thị trường. Theo các văn bản phúc đáp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì mức lãi suất quá hạn trung bình hiện nay là 18% đến 22,5%, nên việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn chịu mức lãi suất 12%/năm là hoàn toàn có lợi cho bị đơn. Như vậy, bị đơn Công ty Xăng dầu KL có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 16/3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 36 tháng (làm tròn). Số tiền lãi là: 954.067.000đ X 1%/tháng X 36 tháng = 343.464.100đ (Ba trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty Xăng dầu KL có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Dầu khí H là: 954.067.000 + 343.464.100đ = 1.297.531.100đ (Một tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn một trăm đồng).

Từ những phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV TM Dầu khí H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.482.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008841 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Bị đơn Công ty TNHH TM DV Xăng dầu KL phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 50.925.900đ (Năm mươi triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 274, 275 và 276 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 24, , 34, 50, 292, 306 và 317 của Luật Thương mại năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dầu khí H.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Xăng dầu KL có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dầu khí H tổng số tiền là 1.297.531.100đ (Một tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn một trăm đồng), trong đó số tiền gốc còn lại 954.067.000đ và số tiền lãi là 343.464.100đ.

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dầu khí H có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Xăng dầu KL chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dầu khí H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.482.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008841 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Xăng dầu KL phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 50.925.900đ (Năm mươi triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* ***Nơi nhận***:
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;

- Lưu HS.

Phan Vũ Linh